

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2019/HS-ST**
Ngày: 24 – 6 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Điệp;

2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Ông Trần Quang Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 tại tỉnh Phú Yên.

Nơi đăng ký HKTT: thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở tạm trú: khu C (Nhà trọ bà Hiền), ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Thu H2, sinh năm 1964; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1992 (đã chết) và có 02 con (Lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền án: Không, tiền sự: Không.

+ Nhân thân:

- Ngày 31/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; đến ngày 21/11/2013 chấp hành xong bản án.

- Ngày 25/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; đến ngày 06/8/2014 chấp hành xong bản án.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 143/L-CSĐT-TH ngày 15/11/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH K.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp N III, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông M – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phùng Thị Phương T, sinh năm 1987 – Chức vụ: Phó trưởng khoa Tổng vụ (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Phạm Thành Lễ, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là công nhân bộ phận hàn của Công ty K thuộc Khu công nghiệp 3, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vào ngày 13/6/2018, trong lúc đang làm việc thì H thấy có nhiều linh kiện bằng đồng dùng để sản xuất thiết bị điện dân dụng để tại kho của công ty không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. H đã thực hiện hành vi trộm cắp tổng cộng 8.099 linh kiện bằng đồng gồm: 14 linh kiện có mã hàng 22320; 18 linh kiện có mã hàng 22330; 256 linh kiện có mã hàng 2120204; 412 linh kiện có mã hàng 2120313; 412 linh kiện có mã hàng 2120314; 214 linh kiện có mã hàng 2505021; 214 linh kiện có mã hàng 2505022; 563 linh kiện có mã hàng 2505023; 507 linh kiện có mã hàng 2505024; 4000 linh kiện có mã hàng 2574403; 22 linh kiện có mã hàng 2616017; 39 linh kiện có mã hàng 2616029; 1189 linh kiện có mã hàng 2110507R và 239 linh kiện có mã hàng 2119661R để trong ca nhựa và cất giấu trong túi ni lông chờ tan ra mang ra ngoài tiêu thụ. Đến 20 giờ cùng ngày, H đem số linh kiện đã trộm cắp được ra đến cổng Công ty K thì bị anh Lê Hoàng V (sinh năm 1978) và anh Phạm Thành Lễ (sinh năm 1984) là bảo vệ của công ty phát hiện bắt giữ. Lợi dụng sơ hở của bảo vệ, H đã bỏ trốn đến ngày 05/11/2018 thì H đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

+ Tang vật thu giữ:

- 14 linh kiện có mã hàng 22320; 18 linh kiện có mã hàng 22330; 256 linh kiện có mã hàng 2120204; 412 linh kiện có mã hàng 2120313; 412 linh kiện có mã hàng 2120314; 214 linh kiện có mã hàng 2505021; 214 linh kiện có mã hàng 2505022; 563 linh kiện có mã hàng 2505023; 507 linh kiện có mã hàng 2505024; 4000 linh kiện có mã hàng 2574403; 22 linh kiện có mã hàng 2616017; 39 linh kiện có mã hàng 2616029; 1189 linh kiện có mã hàng 2110507R và 239 linh kiện có mã hàng 2119661R.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N số: 140/BB.HĐĐG ngày 09/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện N xác định 8.099 vật liệu linh kiện bằng đồng, trị giá là 5.230.308 đồng (Năm triệu, hai trăm ba mươi nghìn, ba trăm lẻ tám đồng).

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố tại bản Cáo trạng số 35/CT.VKS-HS ngày 7/5/2019. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án. Cho thấy: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 13/6/2018 tại Công ty K thuộc Khu công nghiệp 3, huyện N, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Văn H đã lợi dụng việc không có ai trông coi kho đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 8.099 linh kiện bằng đồng gồm: 14 linh kiện có mã hàng 22320; 18 linh kiện có mã hàng 22330; 256 linh kiện có mã hàng 2120204; 412 linh kiện có mã hàng 2120313; 412 linh kiện có mã hàng 2120314; 214 linh kiện có mã hàng 2505021; 214 linh kiện có mã hàng 2505022; 563 linh kiện có mã hàng 2505023; 507 linh kiện có mã hàng 2505024; 4000 linh kiện có mã hàng 2574403; 22 linh kiện có mã hàng 2616017; 39 linh kiện có mã hàng 2616029; 1189 linh kiện có mã hàng 2110507R và 239 linh kiện có mã hàng 2119661R có tổng trị giá 5.230.308 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Như vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên bản Cáo trạng số 35/CT.VKS-HS ngày 7/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Nguyễn Văn H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú phù hợp quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bản thân bị cáo từng bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để răn mình mà lại tiếp tục con đường phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Nghĩ cần xét xử mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét cho bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho bị cáo khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 10 đến 12 tháng tù giam, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

8.099 linh kiện bằng đồng gồm: 14 linh kiện có mã hàng 22320; 18 linh kiện có mã hàng 22330; 256 linh kiện có mã hàng 2120204; 412 linh kiện có mã hàng 2120313; 412 linh kiện có mã hàng 2120314; 214 linh kiện có mã hàng 2505021; 214 linh kiện có mã hàng 2505022; 563 linh kiện có mã hàng 2505023; 507 linh kiện có mã hàng 2505024; 4000 linh kiện có mã hàng 2574403; 22 linh kiện có mã hàng 2616017; 39 linh kiện có mã hàng 2616029; 1189 linh kiện có mã hàng 2110507R và 239 linh kiện có mã hàng 2119661R đã được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H – 10 (mười) tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào trại thi hành án phạt tù.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng người bị hại (Công ty TNHH K, có đại diện ủy quyền là bà Phùng Thị Phương T) được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ Bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKS huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục Thi hành án huyện N;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh nơi bị cáo đăng ký HKTT;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, THAHS.

Dương Hữu Chí